

Số: 656 /QĐ-QLD

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Danh mục thuốc có chứng minh
tương đương sinh học Đợt 4 - Năm 2023

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-BYT ngày 26/04/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc - Cục Quản lý Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục 57 thuốc có chứng minh tương đương sinh học Đợt 4 - Năm 2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc bệnh viện, viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc cơ sở sản xuất thuốc có thuốc được công bố tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Đào Hồng Lan (để b/c);
- Thứ trưởng Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Cục trưởng Vũ Tuấn Cường (để b/c);
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng;
- Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế giao thông vận tải - Bộ GTVT;
- Bộ Y tế: VPB, Cục QLKCB, Cục KHCNĐT, Thanh tra Bộ, Vụ PC, Vụ BHYT, Vụ KHTC;
- Viện KN thuốc TƯ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Hiệp hội Doanh nghiệp dược Việt Nam;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc QG;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCHN; P.QLGT, VPC;
- Website của Cục QLD;
- Lưu: VT, ĐKT (02 bản).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thành Lâm

Phụ lục
DANH MỤC 57 THUỐC CÓ CHỨNG MINH TƯƠNG ĐƯƠNG SINH HỌC ĐỢT 4 - NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 656 /QĐ-QLD ngày 19 / 09 / 2023 của Cục Quản lý Dược)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
1	Actelno	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat 13,87mg) 10mg; Valsartan 160mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	893110119623	Công ty TNHH DRP Inter	Lô EB8, đường số 19A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	Agimoti	Domperidon (dưới dạng Domperidon maleat) 10mg	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên; Hộp 1 chai nhựa HD chứa 200 viên	VD-24703-16	Chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm	Đường Vũ Trọng Phụng, Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam
3	Alanboss XL 5	Alfuzosin hydroclorid 5mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 05 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	893110204323	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Đường số 2, KCN Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
4	Amaloris 5mg/10mg	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium trihydrate 10,85mg) 10mg; Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate 6,94 mg) 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên nén bao phim	383110181023	KRKA, D.D., Novo Mesto	Šmarješka cesta 6, 8501 Novo mesto, Slovenia
5	Amoxfap 500	Mỗi gói 3g chứa Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted) 500mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 16 gói x 3g; Hộp 30 gói x 3g; Hộp 100 gói x 3g	VD-33260-19	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Thanh Hóa	Số 04 Quang Trung, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
6	Amoxicilin 250mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 250mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ x 200 viên; Hộp 1 lọ 1000 viên	VD-23670-15	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
7	Arbitel-AM	Telmisartan 40mg, Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate) 5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên	890110141923	Merck Healthcare KGaA	Frankfurter Straße 250, 64293 Darmstadt, Germany
8	Bidinatec 5	Enalapril maleat 5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110208023	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR)	498 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
9	Bivitanpo 50	Losartan kali 50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Chai nhựa 100 viên	VD-35246-21	Công ty TNHH BRV Healthcare	Khu A, số 18, đường số 09, ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
10	Bosfuxim 500	Cefuroxim (dưới dạng cefuroxim axetil) 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 01 vỉ x 10 viên; Hộp 02 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110198523	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Số 43 đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
11	Bospicine 200	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxime proxetil) 200mg	Viên nang cứng	Hộp 01 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-31761-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Di Sun	521 khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
12	Cardilopin 10mg	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate 13,90mg) 10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	599110187823	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	1165 Budapest, Bökényföldi út 118-120., Hungary
13	Cardilopin 5mg	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate 6,95mg) 5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	599110187923	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	1165 Budapest, Bökényföldi út 118-120., Hungary

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
14	Clabactin XL	Clarithromycin (dạng micronised) 500mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 1 vỉ x 5 viên; Hộp 10 vỉ x 5 viên	893110167323	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera	Lô A17 Khu công nghiệp Tứ Hạ, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
15	Clarithromycin 500mg	Clarithromycin 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	893110215723	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây	Tổ dân phố số 4, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam
16	Clotannex	Amlodipine (dưới dạng amlodipine besylate 6,935mg) 5mg; Valsartan 160mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110203923	Công ty TNHH DRP Inter	Lô EB8, đường số 19A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
17	Duobivent	Vildagliptin 50mg; Metformin HCl 1000mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110238523	Công ty TNHH DRP Inter	Lô EB8, đường số 19A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
18	Fabafixim 200	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat) 200mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	893110200023	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
19	Fabazixin 250	Azithromycin 250mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 6 viên	893110199823	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
20	Fabazixin 500	Azithromycin (dưới dạng azithromycin dihydrat) 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 3 viên	893110199923	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
21	Fovirpoxil	Tenofovir disoproxil fumarat 300mg (tương ứng Tenofovir disoproxil 245 mg)	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 6 viên	VD-35518-21	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Số 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
22	Gabahasan 300	Gabapentin 300mg	Viên nang cứng	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110208823	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Đường số 2, KCN Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam
23	Galantamine/ Pharmathen	Galantamine (dưới dạng Galantamine hydrobromide) 8mg	Viên nang cứng giải	Hộp 4 vỉ x 14 viên	520110185523	Pharmathen International SA	Industrial Park Sapes Rodopi Prefecture, Block No5, Rodopi, 69300, Greece

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
			phóng kéo dài				
24	Gluzitop MR 60	Gliclazid 60mg	Viên nén tác dụng kéo dài	Hộp 02 vỉ x 30 viên; Hộp 05 vỉ x 30 viên; Hộp 10 vỉ x 30 viên	893110208923	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Đường số 2, KCN Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam
25	Gogo 200	Cefixim (dưới dạng cefixim trihydrat) 200mg	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói x 4g; Hộp 20 gói x 4g	893110243723	Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Di Sun	Số 521, khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
26	Golmafir	Entecavir (dưới dạng entecavir monohydrate 1,06 mg) 1mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893114066223	Công ty TNHH DRP Inter	Lô EB8, đường số 19A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
27	Imexime 200	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat) 200mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 2,1 gam, Gói giấy nhôm	893110146223	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Số 22, Đường số 2, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
28	Imexime 400	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat) 400mg	Viên nén bao phim	Hộp 01 vỉ x 10 viên; Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110146323	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Số 22, Đường số 2, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
29	Lisonorm Forte	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrate) 20mg; Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate) 10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	599110193523	Gedeon Richter Plc.	Gyömrői út 19-21., Budapest, 1103, Hungary
30	L-Stafloxin 250	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 250mg	Viên nén bao phim	Hộp 01 vỉ x 7 viên; Hộp 2 vỉ x 7 viên	VD-31396-18	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 Đại Lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
31	Lypstaplus	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calcium) 10mg; Ezetimibe 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	890110192723	Medreich Limited (Unit 3)	4/3, Avalahalli, Anjanapura Post, Kanakapura Road, Bengaluru, IN-560062, India
32	Lypstaplus	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calcium) 20mg; Ezetimibe 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	890110192823	Medreich Limited (Unit 3)	4/3, Avalahalli, Anjanapura Post, Kanakapura Road, Bengaluru, IN-560062, India
33	Mebeverine Hydrochloride SR capsules 200mg	Mebeverine hydrochloride 200mg	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Hộp 4 vỉ x 15 viên	890100139123	M/s RA Chem Pharma Ltd	Plot.No.A-19/C, A-23A&A-23B, Road No.18, IDA., Nacharam, Nacharam Village, Uppal Mandal, Medchal-Malkajgiri District-500076, Telangana, India
34	Meloxicam	Meloxicam 7,5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 200 viên	VD-31741-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Đường 2/4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
35	Metformine EG 1000 mg	Metformin hydroclorid 1000mg	Viên nén bao phim	Hộp 02 vỉ x 15 viên; Hộp 04 vỉ x 15 viên	893110226223	Nhà máy Stada Việt Nam	189 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam
36	MetSwift XR 1000	Metformin hydrochloride 1000mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ x 14 viên; Hộp 4 vỉ x 14 viên	890110186023	Ind-Swift Limited	Off. NH-21, Village Jawaharpur, Tehsil Derabassi, District SAS Nagar (Mohali), Punjab-140507, India
37	MetSwift XR 500	Metformin hydrochloride 500mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ x 14 viên; Hộp 4 vỉ x 14 viên	890110185823	Ind-Swift Limited	Off. NH-21, Village Jawaharpur, Tehsil Derabassi, District SAS Nagar (Mohali), Punjab-140507, India
38	MetSwift XR 750	Metformin hydrochloride 750mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ x 14 viên; Hộp 4 vỉ x 14 viên	890110185923	Ind-Swift Limited	Off. NH-21, Village Jawaharpur, Tehsil Derabassi, District SAS Nagar (Mohali), Punjab-140507, India

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
39	Nebivolol STADA 5 mg	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol hydroclorid) 5mg	Viên nén	Hộp 01 vỉ x 14 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-26420-17	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170 Nguyễn Huệ Phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam
40	Pharbacilim	Cloxacilin (dưới dạng Cloxacilin natri) 500mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên/vỉ; Lọ 1000 viên	VD-32905-19	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
41	Quinacar 20	Quinapril (dưới dạng Qinapril HCl) 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 7 vỉ x 14 viên	VD-22612-15	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170 Nguyễn Huệ Phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam
42	Rafivyr	Entecavir (dưới dạng entecavir monohydrate 0,53 mg) 0,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893114066323	Công ty TNHH DRP Inter	Lô EB8, đường số 19A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
43	Rifamar 300mg	Rifampicin 300mg	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 06 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110237823	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170 Nguyễn Huệ Phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam
44	Rifampicin 150mg	Rifampicin 150mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 250 viên	893110173323	Công ty cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
45	Rifampicin 300mg	Rifampicin 300mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110237623	Công ty cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
46	Sita-Met tablets 50/500	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphat monohydrat) 50mg; Metformin HCl 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	893110134323	Cơ sở sản xuất: CCL Pharmaceuticals (Pvt) Ltd- Pakistan; Đóng gói thứ cấp: Công ty Cổ phần Dược phẩm Am Vi	Địa chỉ cơ sở sản xuất: 62 Industrial Estate, Kot Lakhpat, Lohore, Pakistan Địa chỉ cơ sở đóng gói cấp 2: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, xã Hòa Phú, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
47	Sitomet 50/1000	Metformin hydroclorid 1000mg; Sitagliptin (dưới dạng sitagliptin phosphat monohydrat) 50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110213323	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Số 43 đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
48	Stamlo-T	Telmisartan 40mg; Amlodipine Besilate tương đương với Amlodipine 5mg	Viên nén	Hộp 4 vỉ x 7 viên	890110125423	Dr.Reddy's Laboratories Ltd	Formulation Unit - 6 Vill. Khol, Nalagarh Road Baddi, Distt. Solan, HP 173205, India
49	Stamlo-T	Telmisartan 80mg; Amlodipine Besilate tương đương với Amlodipine 5mg	Viên nén	Hộp 4 vỉ x 7 viên	890110125523	Dr.Reddy's Laboratories Ltd	Formulation Unit - 6 Vill. Khol, Nalagarh Road Baddi, Distt. Solan, HP 173205, India
50	Stilaren	Vildagliptin 50mg; Metformin HCl 850mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110238623	Công ty TNHH DRP Inter	Lô EB8, đường số 19A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
51	Stradiras 50/1000	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate 64,25mg) 50mg; Metformin HCl 1000mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, vỉ Alu-Alu; Hộp 1 túi x 3 vỉ x 10 viên, vỉ Alu-PVdC/PVC	893110238723	Công ty TNHH DRP Inter	Lô EB8, đường số 19A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
52	Stradiras 50/850	Sitagliptin (dưới dạng sitagliptin phosphate monohydrate 64,25mg) 50mg; Metformin HCl 850mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, vỉ Alu-Alu; Hộp 1 túi x 3 vỉ x 10 viên, vỉ Alu-PVdC/PVC	893110238823	Công ty TNHH DRP Inter	Lô EB8, đường số 19A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
53	Telmiam	Telmisartan 40mg; Amlodipine (dưới dạng amlodipine besylate 6,935mg) 5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	893110238923	Công ty TNHH DRP Inter	Lô EB8, đường số 19A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
54	Telorssa 100mg/5mg film-coated tablets	Losartan kali 100mg; Amlodipin besilat 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	383110139523	KRKA, d. d., Novo mesto	Šmarješka cesta 6, 8501 Novo mesto, Slovenia

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
55	Valclorex	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat 6,935mg) 5mg; Valsartan 80mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110119723	Công ty TNHH DRP Inter	Lô EB8, đường số 19A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
56	Vascam	Amlodipine 5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110205423	Công ty TNHH United International Pharma	Số 16 VSIP II, đường số 7, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II, Khu liên hợp Công nghiệp-Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
57	Wamlox 5mg/80mg	Valsartan 80mg; Amlodipine (dưới dạng Amlodipine Besilate) 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên nén bao phim	383110181323	KRKA, D.D., Novo Mesto	Šmarješka cesta 6, 8501 Novo mesto, Slovenia